

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dễ.

2. Bà Mai Thị Bi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Phát T, sinh ngày 28/7/1968.

Địa chỉ: số A, ấp Đ, xã A, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 06/01/1981.

Địa chỉ: số A, ấp Đ, xã A, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Phát T trình bày:

Ông và bà V tổ chức đám cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 25 năm. Nhưng khoảng 03 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay ông nhận thấy không thể tiếp

tục quan hệ hôn nhân với bà V nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà V.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, vợ chồng ông có 01 người con chung tên là Trần Nguyễn Thanh P, sinh ngày 15/11/2000, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Cẩm V là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T có tổ chức đám cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 26 năm. Nhưng khoảng 02 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay ông T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên là Trần Nguyễn Thanh P, sinh ngày 15/11/2000, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ có căn cứ xác định ông Trần Phát T và bà Nguyễn Thị Cẩm V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Phát T có đơn khởi kiện, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Cẩm V; vụ, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà V cư trú tại xã A, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phát T và bà Nguyễn Thị Cẩm V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 đến nay mà không đăng ký kết hôn; mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình; ông T và bà V không đăng ký kết hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Tây Ninh nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà V không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà V xảy ra nhiều mâu thuẫn, các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do ông T và bà V chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Trần Phát T và bà Nguyễn Thị Cẩm V là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà V có với nhau một người con chung tên Trần Nguyễn Thanh P, sinh ngày 15/11/2000, đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Phát T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Phát T và bà Nguyễn Thị Cẩm V.

2. Về án phí: Ông Trần Phát T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011279 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Duy